

Văn chương bác học

Bích câu kỳ ngộ: Truyện thơ nôm lục bát 678 câu của Vũ Quốc Trân (TK XIX). Chuyện tình mang màu sắc hoang đường. Tú Uyên, một thư sinh nghèo, tình cờ gặp người đẹp ở Bích Câu, về nhà tương tư. Sau chàng mua được bức tranh vẽ người đó (tiên nữ Giáng Kiều). Có tiền duyên với chàng, nàng ra khỏi tranh sống cùng chàng. Chàng làm lỗi (đánh bạc), nàng bỏ đi. Sau chàng hối hận, nàng lại về, giúp chàng tu tiên và cùng lên trời.

Biểu: Bài văn của thần dân dâng vua (mừng, tạ ơn hay bày tỏ một tình cảm gì đó). Ví dụ: Biểu mừng Tết vạn thọ.

Cáo: Bài của vua ban bố một chính sách hay kết quả một sự nghiệp cho toàn dân biết. Thường viết theo thể tứ lục.

Bình Ngô Đại cáo: Cáo, một thể loại văn chính luận, để bố cáo một vấn đề trọng yếu của một đoàn thể, tổ chức hoặc quốc gia. *Bình Ngô Đại cáo* do Nguyễn Trãi viết (1428), sau 10 năm kháng chiến chống quân Minh thắng lợi. Tuyên ngôn độc lập của Đại Việt đề cao nhân nghĩa, chống tàn bạo, xâm lược. Tố cáo tội các của giặc Minh, tổng kết lại quá trình kháng chiến của quân Lam Sơn.

Chiếu: Lệnh viết do vua ban bố. Thường viết theo lối văn tứ lục (một câu có đoạn bốn và đoạn sáu), biền ngẫu (đối nhau). Ví dụ: *Chiếu dời đô* (từ Hoa Lư ra Thăng Long) của Lý Thái Tổ, *Chiếu khuyến răn thần dân về tiết xuân thu* của Minh Mệnh.

Chữ Nôm: (nôm: do đọc chệch từ *nam*, chữ người Việt trong thể đối lập với chữ Hán của người Bắc tức Trung Quốc). Mượn từ tượng hình Hán để ghi lại âm tiếng Việt. Gồm phần ghi nghĩa của tiếng Hán và phần ghi âm, Chưa rõ thời gian nào xuất hiện (Có thể vào khoảng Tk VIII). Những bài thơ Nôm đầu tiên được nhắc đến là của Hàn Thuyên và Nguyễn Sĩ Cố (cuối Tk XIII). Sự xuất hiện của chữ nôm đánh dấu sự trưởng thành trong ý thức dân tộc của người Việt và giúp cho nền văn học Việt Nam phát triển rực rỡ từ cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX như: truyện Nôm, Ngâm khúc, hát nói, chèo... Do phức tạp và chưa hoàn chỉnh chữ nôm đã bị chữ quốc ngữ thay thế.

Cổ phong: Thể thơ mô phỏng của Trung Quốc. Có vần, không đối nhau, không có niêm luật nhất định, thường đọc vận, thất ngôn độc vận, ngũ ngôn liên vận, thất ngôn liên vận.

(Theo *Từ điển văn hoá cổ truyền Việt Nam*. Nxb Thế giới, Hà Nội, 1995.)

